

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2024/DS-ST
Ngày 22 – 11 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đàm Thị Thanh Loan.

2. Ông Hoàng Văn Thái.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 06 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L1). Địa chỉ: LPB T, số B đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Dương Chí K**, sinh năm 1984. Địa chỉ liên hệ: Số C Đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

- **Bị đơn:**

1. Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1953. Địa chỉ: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1957. Địa chỉ: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Trần Văn Q**. Địa chỉ: Khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên

đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị A vay vốn tại Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng số HDTD803202200654, ngày 30-3-2022 và PL01 HDTD803202200654 ngày 28-02-2023. Số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 16 tháng, phương thức cho vay từng lần, mục đích vay trồng lúa, nuôi heo. Về tiền lãi và lãi suất được thỏa thuận như sau:

- Lãi suất cho vay là 10,7%/năm, được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.
- Lãi suất nợ lãi trả chậm: 10%/năm.
- Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Việc trả nợ được thỏa thuận: Nợ gốc được trả cuối kỳ, nợ lãi được trả định kỳ 03 tháng/lần. Ngày trả nợ cuối cùng là 27-/2023.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán khoản vay nêu trên, ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị A đã ký với Ngân hàng TMCP B hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTTC803202100094 ngày 30-3-2021, thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 615943 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị A ngày 15/01/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng TMCP B đã nhiều lần đến nhà, nơi làm việc để đôn đốc, nhưng ông H, bà A vẫn không thanh toán nợ. Tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 02-5-2024 là 214.153.032 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc chưa trả 182.615.331 đồng, L trong hạn chưa trả 0 đồng, N lãi quá hạn chưa trả 31.537.701 đồng.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị A phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng số HDTD803202200654 ngày 30-03-2022 và PL01 HDTD803202200654 ngày 28/02/2023 với tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 02-05-2024 số tiền là: 214.153.032 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc chưa trả 182.615.331 đồng, L trong hạn chưa trả 0 đồng, N lãi quá hạn chưa trả 31.537.701 đồng. Phần lãi phát sinh sau ngày 02/05/2024 sẽ được tính theo lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng tín dụng cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

- Trường hợp ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị A không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HDTTC803202100094 ngày 30-03-2021).

Bị đơn ông Trần Văn H trình bày:

Ông Trần Văn H thừa nhận việc vợ chồng ông có giao kết hợp đồng tín dụng

và còn nợ số tiền nợ gốc và lãi như Ngân hàng yêu cầu là đúng. Nay ông Trần Văn H thống nhất việc vợ chồng ông có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi cho đến khi vợ chồng ông thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD803202200654 ngày 30-03-2022 và PL01 HDTD803202200654 ngày 28-02-2023.

Ông cũng thừa nhận đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 615943 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị A ngày 15-01-2021. Trường hợp đến hạn trả nợ mà ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị A không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như cam kết nêu trên, thì ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Q đồng ý giao toàn bộ tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HĐTC803202100094 ngày 30/03/2021 Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý thu hồi toàn bộ số nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q đã được Tòa án tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên, bà A không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định số nợ tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn phải thanh toán là 237.169.720 đồng. Trong đó, nợ vay gốc 200.000.000 đồng, lãi quá hạn 54.554.389 đồng.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền là 237.169.720 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn khởi kiện các bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu các bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng có thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật giải quyết về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[4] Xét yêu cầu trả nợ gốc: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa, HĐXX có cơ sở xác định giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP L1 và các bị đơn ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị A đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số HDTD803202200654 ngày 30-03-2022 và PL01 HDTD803202200654 ngày 28-02-2023 với số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 16 tháng, mục đích vay trồng lúa, nuôi heo. Việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa hai bên là tự nguyện, hình thức hợp đồng và các nội dung thỏa thuận nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia giao kết có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng TMCP L1 tiến hành khởi kiện để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký kết và quy định tại Điều 282, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Điều 100, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng.

[5] Xét yêu cầu trả lãi: Theo nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, việc thỏa thuận lãi, lãi suất đúng như nguyên đơn trình bày. Cụ thể, mức lãi suất thỏa thuận khi vay bằng 10,7%/năm và áp dụng lãi suất thả nổi; lãi suất nợ lãi trả chậm bằng 10%/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Thỏa thuận về việc trả lãi theo hợp đồng như trên là phù hợp quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng và hướng dẫn tại Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên yêu cầu của nguyên đơn về phần này là có cơ sở.

[6] Như vậy, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 22-11-2024), các bị đơn còn phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 237.169.720 đồng. Trong đó, nợ vay gốc 182.615.331 đồng, lãi quá hạn 54.554.389 đồng.

[7] Về nghĩa vụ trả nợ: Đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng, do vợ chồng ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị A cùng tự nguyện xác lập, ký kết hợp đồng với Ngân hàng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền nợ nêu trên là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, các bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn tài sản: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. HĐXX xét thấy, hợp đồng thế chấp được xác lập trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy

định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Nay các bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 299, Điều 323 của Bộ luật Dân sự.

[9] Tuy nhiên, hiện trạng sử dụng phần đất tại thửa số 24, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo bị đơn ông Trần Văn H trình bày thì các bị đơn đã cố cho ông Trần Văn Q, do ông Q đang trực tiếp canh tác. Tòa án đã ban hành thông báo yêu cầu các đương sự này cung cấp giấy tờ, tài liệu chứng minh nhưng họ không cung cấp và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết. Khi xử lý tài sản thế chấp, cần tuyên buộc ông Trần Văn Q có nghĩa vụ liên đới trong việc giao đất, nếu có tranh chấp về giao dịch cố đất giữa các bên mà không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[10] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Các bị đơn ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị A phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nhưng do các bị đơn là người cao tuổi nên được miễn nộp, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản thế chấp: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị A phải chịu tổng **số tiền là 900.000 đồng**, theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 282, Điều 229, Điều 323, Điều 325, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L1).

1.1. Buộc các bị đơn ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị A có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L1) số tiền là 237.169.720 đồng. Trong đó, nợ vay gốc 182.615.331 đồng, lãi quá hạn 54.554.389 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23-11-2024) cho đến khi ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị A thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L1), thì hàng tháng ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị A còn phải chịu tiền lãi trong hạn và các khoản lãi quá hạn trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng, Phụ lục hợp đồng tín dụng đã ký kết.

1.2. Trường hợp ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền còn nợ, Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L1) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 615943 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị A ngày 15-01-2021.

Khi xử lý tài sản thế chấp, buộc các bị đơn ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q có nghĩa vụ liên đới giao lại phần đất thế chấp nêu trên cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý theo quy định.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị đơn ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm **11.858.486 đồng** nhưng được miễn nộp toàn bộ.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L1) số tiền tạm ứng án phí 5.354.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005242 ngày 31-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Chi phí tố tụng khác: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị A liên đới chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 900.000 đồng. Do Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L1) đã nộp tạm ứng trước nên buộc ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị A có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền 900.000 đồng cho Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L1).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm